

CẬP NHẬT, ĐÍNH CHÍNH THÔNG TIN VỀ DANH MỤC THUỐC TĐSH ĐÃ CÔNG BỐ

Công văn số 4236/BYT-QLD ngày 15/7/2013

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Số, ngày, Quyết định	Nội dung đính chính, cập nhật
1	Imdur	Isosorbide-5-mononitrate 30mg	30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ viên	VN-16126-13	AstraZeneca Pharmaceutica l Co. Ltd.	Số 2 đường Huang Shan, Wuxi, Jiangsu - Trung Quốc	896/QĐ-BYT ngày 21/3/2013	Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 15 viên
2	Imdur	Isosorbide-5-mononitrate 60mg	60mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ viên	VN-16127-13	AstraZeneca Pharmaceutica l Co. Ltd.	Số 2 đường Huang Shan, Wuxi, Jiangsu - Trung Quốc	896/QĐ-BYT ngày 21/3/2013	Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 15 viên
3	Exforge	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate) 10mg; Valsartan 160mg	10mg; 160mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-16342-13	Novartis Farmaceutica S.A - Tây Ban Nha	Ronda de Santa Maria 158 08210 Barberà del Vallès, Barcelona	896/QĐ-BYT ngày 21/3/2013	Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 14 viên
4	Exforge	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate) 5mg; Valsartan 160mg	5mg; 160mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-16343-13	Novartis Farmaceutica S.A - Tây Ban Nha	Ronda de Santa Maria 158 08210 Barberà del Vallès, Barcelona	896/QĐ-BYT ngày 21/3/2013	Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 14 viên
5	Exforge	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate) 5mg; Valsartan 80mg	5mg; 80mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-16344-13	Novartis Farmaceutica S.A - Tây Ban Nha	Ronda de Santa Maria 158 08210 Barberà del Vallès, Barcelona	896/QĐ-BYT ngày 21/3/2013	Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 14 viên
6	Crondia 30 MR	Gliclazid 3mg	3mg	Viên nén giải phóng hoạt chất biến đổi	Hộp 1 vỉ x 30 viên	VD-18281-13	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	La Khê - Văn Khê - Hà Đông - Hà Nội - Việt Nam	896/QĐ-BYT ngày 21/3/2013	Hoạt chất: Gliclazid 30mg

7	Klamentin 1g	Amoxicilin và acid calvulanic	1g		hộp 2vi x 7 viên	VD-7875-09	CP Dược Hậu Giang	290 Bis, Nguyễn Văn Cừ, P. An Hoà, Ninh Kiều, Cần Thơ - Việt Nam	896/QD-BYT ngày 21/3/2013	Hoạt chất: amoxicilin và acid clavulanic; Hàm lượng: 875mg/125mg; Quy cách đóng gói: Hộp 2 vi x 7 viên nén bao phim; Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang; Địa chỉ sản xuất: 288 Bis, Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.
8	Azicine 250 mg	Azithromycin	250mg	Thuốc bột	Hộp 6 gói x 1,5gam	VD-3586-07	CT LD TNHH Stada - Việt Nam	40 Đại lộ Tự do, KCN Việt Nam - Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam	1739/QD-BYT ngày 20/5/2013	Tên công ty: Công ty TNHH LIÊN DOANH STADA-VIỆT NAM; Địa chỉ cơ sở sản xuất: K63/1 Nguyễn Thị Sóc-ấp Mỹ Hòa 2-xã Xuân Thới Đông-huyện Hóc Môn-Tp.HCM.
9	Binex Amarin	Glimepiride	2mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-14472-12	Công ty Binex Co Limited	480-2, Jangrim-dong, Saha-gu, Busan, Korea - Hàn Quốc	1739/QD-BYT ngày 20/5/2013	Số đăng ký: VN-14472-12.
10	Cefustad 500mg	Cefuroxim Axetil tương đương Cefuroxim 250mg	500mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 2 vi x 5 viên	VD-9685-09	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Việt Nam	1739/QD-BYT ngày 20/5/2013	Hoạt chất: Cefuroxim Axetil tương đương Cefuroxim 500mg
11	Celostad 250mg	Cefaclor 250mg dưới dạng Cefaclor monohydrat	250mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vi x 10 viên	VD-11861-10	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Việt Nam	1739/QD-BYT ngày 20/5/2013	Tên thuốc: Celorstad 250mg.

12	Clairithromycin 500mg	Clarithromycin	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-12513-10	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Việt Nam	1739/QĐ-BYT ngày 20/5/2013	Tên thuốc: Clarithromycin 500mg.
Công văn số 1081/BYT-QLD ngày 12/3/2014										
1	Azicine 250 mg	Azithromycin	250mg	Thuốc bột	Hộp 6 gói x 1,5gam	VD-3586-07	CT LD TNHH Stada - Việt Nam	40 Đại lộ Tự do, KCN Việt Nam - Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Đợt 7 Quyết định số 4167/QĐ-BYT ngày 18/10/1013	Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH LD Stada Việt Nam. Địa chỉ cơ sở sản xuất: K63/1 Nguyễn Thị Sóc-ấp Mỹ Hòa 2-xã Xuân Thới Đông-huyện Hóc Môn-Tp.HCM.
2	Bisoprolol	Bisoprolol	5mg		hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-9047-09	CT TNHH Stada-VN	40 Đại Lộ Tự Do,KCN Việt Nam-Singapore, Thuận An-Bình Dương	Đợt 4 Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2051	Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH LD Stada Việt Nam. Tên thuốc: Bisoprolol STADA 5mg
3	Bifumax 125	Cefuroxim axetil	125mg	Gói	Hộp 10 gói x 4g	VD-16851-12	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1	499 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Đợt 2 Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2023	Địa chỉ cơ sở sản xuất: 498 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định
4	Cefuroxim 500	Cefuroxim axetil	500mg		hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-13763-11	CT CPDP Bidiphar 1	500 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Đợt 4 Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2054	Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 Địa chỉ cơ sở sản xuất: 498 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định
Công văn số 4377/BYT-QLD ngày 07/7/2014										
1	Clazic SR	Gliclazid	30 mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 vỉ, 10 vỉ x 10 viên nén phóng thích kéo dài	VD-16447-12	Công ty TNHH United Pharma Việt Nam	Ấp 2, Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Đợt 1 Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	- Quy cách đóng gói: Hộp 1 vỉ, 10 vỉ x 10 viên nén phóng thích kéo dài (vỉ xé nhôm-nhôm); Hộp 1 vỉ, 10 vỉ, 50 vỉ x 10 viên nén phóng thích kéo dài (vỉ bấm nhôm-nhôm)

1	Mebilax 7,5	Meloxicam	7,5 mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-20574-14	Công ty TNHH MTV dược phẩm DHG	Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	Đợt 10 Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	Số đăng ký: VD-20575-14
2	Irbesartan 150mg	Irbesartan	150 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VD-15905-11	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Đợt 10 Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	Dạng bào chế: Viên nén
3	Risdontab 2	Risperidon	2 mg	Viên bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-3343-07	Công ty cổ phần dược Danapha	Số 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đợt 3 Quyết định số 344/QĐ-BYT ngày 29/01/2013	Số đăng ký: VD-17338-12
4	Gabahasan 300	Gabapentin	300 mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-7365-09	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Đường số 2, Khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Đợt 2 Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013	Số đăng ký: VD-22004-14
5	Klamentin 500	Amoxicillin trihydrat tương đương 500mg Amoxicillin; Clavulanate Potassium & silicone dioxide tương đương 62,5mg acid clavulanic	500mg/62,5mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 2 gam	VD-8436-09	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	288 Bis, Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ, Việt Nam	Đợt 9 Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/7/2014	Số đăng ký: VD-22423-15; Quy cách đóng gói: Hộp 24 gói x 2 gam

Công văn số 10454/BYT-QLD ngày 31/12/2015

1	Cefixim Uphace 100	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	100mg/ gói 2g	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 2 gam	VD-22546-15	Công ty cổ phần dược phẩm TW 25	Số 448B, Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015	Tên thuốc: Cefixime Uphace 100
2	Vosfarel MR Domesco	Trimetazidin dihydroclorid	35mg	Viên nén bao phim phóng thích chậm	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-22629-15	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Số 66 Quốc lộ 30, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015	Tên thuốc: Dozidine MR 35mg
3	Cefixim 200 - US	Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat)	200 mg/ gói 3g	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10, 14, 20 gói x 3g	VD-22711-15	Công ty TNHH US Pharma USA	Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh	Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015	Tên thuốc: Lotrial S-200

Công văn số 1082/BYT-QLD ngày 02/3/2016

1	Klamentin 625	Amoxicillin trihydrat tương đương 500mg Amoxicilin; Clavulanate Potassium & Avicel tương đương 125mg Acid clavulanic	Amoxicilli n 500 mg; Acid clavulanic 125 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 4 viên	VD-7877-09	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Số 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Tp. Cần Thơ	Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015	Số đăng ký: VD-22768-15
2	Dorotor 20mg	Atorvastatin calci trihydrat	Atorvastati n calci trihydrat 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-5607-09	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Số 66 Quốc lộ 30 - P. Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Đợt 6: Quyết định số 2993/QĐ-BYT ngày 19/8/2013	Số đăng ký: VD-20064-13 Hàm lượng: Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat) 20mg; Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên;

3	Ofmantine - Domesco 625 mg	Amoxicilin trihydrat; Clavulanic potassium;	Amoxicilin 500mg, acid clavulanic 125mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VD-7075-09	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Số 66 Quốc lộ 30 - P. Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Đợt 6: Quyết định số 2993/QĐ-BYT ngày 19/8/2013	Số đăng ký: VD-22308-15 Dạng bào chế: Viên nén bao phim; Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 7 viên; 1 vỉ, 3 vỉ x 10 viên.
4	Rostor 10	Rosuvastatin	10mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VD-7721-09	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/7/2014	Số đăng ký: VD-23856-15 Hoạt chất: Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) Dạng bào chế: Viên nén bao phim
5	Bifumax 125	Cefuroxim axetil	125mg	Gói	Hộp 10 gói x 4g	VD-16851-12	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1	498 Nguyễn Thái Học, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Đợt 2: Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013; Công văn số 1081/BYT-QLD ngày 12/3/2014	Hoạt chất: Cefuroxim axetil tương đương Cefuroxim base. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar). Địa chỉ cơ sở sản xuất: Số 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
6	Cefimed 200mg	Cefixime	200mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 4 Viên	VN-15536-12	Medochemie Ltd.	1-10 Constantinoupoleos Street, 3011 Limassol	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	Tên cơ sở sản xuất: Medochemie Ltd-Factory C. Địa chỉ cơ sở sản xuất: 2 Michael Erakleous street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol

7	Medaxetine 250mg	Cefuroxime Axetil, tương đương 250mg Cefuroxime	250mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-15975-12	Medochemie Ltd.	1-10 Constantinoupoleos Street, 3011 Limassol	Đợt 2: Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013	Tên cơ sở sản xuất: Medochemie Ltd-Factory C. Địa chỉ cơ sở sản xuất: 2 Michael Erakleous street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol
8	Medaxetine 500mg	Cefuroxime Axetil tương đương 500mg Cefuroxime	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-15976-12	Medochemie Ltd.	1-10 Constantinoupoleos Street, 3011 Limassol	Đợt 2: Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013	Tên cơ sở sản xuất: Medochemie Ltd-Factory C. Địa chỉ cơ sở sản xuất: 2 Michael Erakleous street, Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol
9	Acyclovir Stada 800mg	Acyclovir	800mg	Viên nén	Hộp 7 vỉ, 10 vỉ x 5 viên	VD-10720-10	Công ty liên doanh TNHH Stada Việt Nam	K63/1 Nguyễn Thị Sóc-ấp Mỹ Hòa 2- Xã Xuân Thới Đông - Huyện Hóc Môn - Tp. Hồ Chí Minh	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/07/2014; Công văn số 65277/BYT-QLD ngày 18/9/2014	Số đăng ký: VD-23346-15 Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
10	Lipistad 20	Atorvastatin calci	20mg		hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-8265-09	CT TNHH Stada-VN	40 Đại Lộ Tự Do,KCN Việt Nam-Singapore, Thuận An-Bình Dương	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013	Số đăng ký: VD-23341-15
11	Tenocar 100mg	Atenolol	100mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-8976-09	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Đợt 5: Quyết định số 1739/QĐ-BYT ngày 20/05/2013	Số đăng ký: VD-23231-15

12	Tenofovir Stada 300mg	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 30 viên	VD-12111-10	Công ty liên doanh TNHH Stada Việt Nam	40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương.	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/07/2014	Số đăng ký: VD-23982-15
13	Rostor 20	Rosuvastatin 20mg	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VD-7722-09	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	Số đăng ký: VD-23857-15
14	Augbactam 625	Amoxicillin, Acid clavulanic	500mg + 125mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 5 viên; Hộp 2 vỉ x 7 viên	VD-6443-08	Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	Đợt 2: Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013	Số đăng ký: VD-21430-14
15	Myeromax 500	Azithromycin	500mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 1 vỉ x 3 viên	VD-18834-13	Công ty liên doanh Meyer	6A3, Quốc lộ 60, P. Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Đợt 5: Quyết định số 1739/QĐ-BYT ngày 20/05/2013	Tên cơ sở sản xuất: Công ty liên doanh Meyer-BPC
16	Droxicef 250mg	Cefadroxil (dưới dạng monohydrat)	250 mg	Viên nang	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-7717-09	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hòa, Phú Yên	Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015	Số đăng ký: VD-23834-15; Dạng bào chế: Viên nang cứng; Quy cách đóng gói: Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Lọ 200 viên
17	Droxicef 500mg	Cefadroxil	500mg	Viên nang	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-8960-09	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Đợt 5: Quyết định số 1739/QĐ-BYT ngày 20/05/2013	Số đăng ký: VD-23835-15; Dạng bào chế: Viên nang cứng (xám - vàng); Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Lọ 200 viên

18	Bisoprolol Stada 5mg	Bisoprolol	5mg		hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-9047-09	Công ty TNHH LD Stada Việt Nam.	40 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, Thuận An-Bình Dương	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013 Công văn số 1081/BYT-QLD ngày 12/3/2014	Số đăng ký: VD-23337-15; Dạng bào chế: Viên nén bao phim
19	Atenolol Stada 50mg	Atenolol	50mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-12619-10	Công ty liên doanh TNHH Stada Việt Nam.	40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương.	Đợt 10: Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	Số đăng ký: VD-23963-15 Tên cơ sở sản xuất: Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
20	Loratadin Stada 10mg	Loratadin 10 mg	10mg		hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-9029-09	CT TNHH Stada-VN	K63/1, Nguyễn Thị Sóc- Ấp Mỹ Hoà 2- Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013	Số đăng ký: VD-23354-15 Tên cơ sở sản xuất: Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.
Công văn số 355/BYT-QLD ngày 23/01/2017										
1	Celorstad 250mg	Cefaclor 250mg (dưới dạng Cefaclor monohydrat)	250 mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-11861-10	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Đợt 5: Quyết định số 1739/QĐ-BYT ngày 20/05/2013; Đính chính: Công văn số 4236/BYT-QLD ngày 15/7/2013	- Tên thuốc: Pyfacloer 250mg; - Số đăng ký: VD-24449-16; - Dạng bào chế: Viên nang cứng (tím - trắng)
2	Loviza 500	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-19020-13	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco (160 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội)	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam	Đợt 8: Quyết định số 828/QĐ-BYT ngày 11/03/2014	- Tên thuốc: Galoxcin 500
3	Ethambutol 400 mg	Ethambutol	400 mg		hộp 10 vỉ x 12 viên	VD-7995-09	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Số 4, Đường 30/4, Tp Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013	- Số đăng ký: VD-20750-14; - Hoạt chất: Ethambutol hydrochlorid; - Dạng bào chế: Viên nén bao phim.

4	Infartan 75	Clopidogrel 75mg (tương ứng với Clopidogrel bisulphat 97,858mg)	75 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 4 vỉ x 7 viên.	VD-12894-10	Công ty cổ phần Dược phẩm OPV	Số 27, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Đợt 8: Quyết định số 828/QĐ-BYT ngày 11/03/2014	- Số đăng ký: VD-25233-16;
5	Klamentin 250	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250 mg; Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat & silicon dioxyd) 31,25 mg	250 mg, 31,25 mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 24 gói x 1g	VD-22767-15	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	288 Bis, Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Đợt 13: Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 29/02/2016	- Tên thuốc: Klamentin 250/31.25; -Số đăng ký: VD-24615-16; - Dạng bào chế: Thuốc cốm pha hỗn dịch uống; - Công ty: Công ty TNHH MTV dược phẩm DHG; - Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
6	Klamentin 500	Amoxicillin trihydrat tương đương 500mg Amoxicillin; Clavulanate Potassium & silicone dioxide tương đương 62,5mg acid clavulanic	500 mg/ 62,5 mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 24 gói x 2 gam	VD-8436-09 SĐK cập nhật: VD-22423-15	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	288 Bis, Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/07/2014; Cập nhật SĐK theo Công văn số 6101/BYT-QLD ngày 19/8/2015	- Tên thuốc: Klamentin 500/62.5; -Số đăng ký: VN-24617-16; - Dạng bào chế: Thuốc cốm pha hỗn dịch uống; - Công ty: Công ty TNHH MTV dược phẩm DHG; - Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.

7	Klamentin 625	Amoxicillin trihydrat trong đường 500mg Amoxicilin; Clavulanate Potassium & Avicel tương đương 125mg Acid clavulanic	Amoxicillin 500 mg; Acid clavulanic 125 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 4 viên	VD-7877-09; SĐK cập nhật: VD-22768-15	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Số 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Tp. Cần Thơ	Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015; Cập nhật SĐK theo Công văn số 1082/BYT-QLD ngày 02/3/2016	- Tên thuốc: Klamentin 500/125; -Số đăng ký: VD-24616-16; - Công ty: Công ty TNHH MTV dược phẩm DHG; - Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang
8	Klamentin 1g	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali Clavulanat & Avicel) 125mg	Amoxicillin 875 mg; Acid clavulanic 125 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VD-22422-15	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Số 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015	- Tên thuốc: Klamentin 875/125; -Số đăng ký: VD-24618-16; - Công ty: Công ty TNHH MTV dược phẩm DHG; - Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang
9	Ambidil 5	Amlodipin (dưới dạng amlodipin besylat) 5mg	5 mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-20665-14	Công ty cổ phần dược phẩm Bidiphar 1	498 Nguyễn Thái Học, TP. Qui Nhơn-Bình Định	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/07/2014	Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar) Địa chỉ cơ sở sản xuất: 498 Nguyễn Thái Học, phường Quang Trung, thành phố Qui Nhơn, Tỉnh Bình Định.
10	Adefovir STADA 10mg	Adefovir dipivoxil	10 mg		hộp 3 vỉ x 10 viên, 30 viên/chai	VD-12596-10	Công ty TNHH Stada-VN	40 Đại Lộ Tự Do,KCN Việt Nam-Singapore, Thuận An-Bình Dương	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013	Số đăng ký: VD-25027-16 Dạng bào chế: viên nén

11	Diaprid 2mg	Glimepirid 2mg	2 mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VD-12516-10	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/07/2014	Số đăng ký: VD-24959-16 Tên thuốc: Diaprid 2
12	Cefadroxil 500mg	Cefadroxil monohydrat tương đương Cefadroxil khan 500mg	500 mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Lọ 200 viên nang cứng.	VD-11859-10	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Đợt 5: Quyết định số 1739/QĐ-BYT ngày 20/05/2013	Tên thuốc: Droxicef 500mg Số đăng ký: VD-24960-16 Dạng bào chế: viên nang cứng (tím - xám)
13	Mobimed 7,5	Meloxicam 7,5mg	7,5 mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-11872-10	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đợt 8: Quyết định số 828/QĐ-BYT ngày 11/03/2014	Số đăng ký: VD-25393-16
14	Mobimed 15	Meloxicam	15 mg		hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-11871-10	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013	Số đăng ký: VD-25392-16 Dạng bào chế: Viên nén
15	Opecipro 500	Ciprofloxacin	500 mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên; hộp 1 chai x 100 viên	VD-9474-09	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Số 27, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hoà 2, Đồng Nai	Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015	Số đăng ký: VD-21676-14 Dạng bào chế: viên nén bao phim Hoạt chất: Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin HCl.H ₂ O)
16	Tatanol	Acetaminophen	500 mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén dài bao phim	VD-8219-09	Công ty Cổ phần Pymepharco	166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Đợt 2: Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013	Số đăng ký: VD-25397-16 Dạng bào chế: Viên nén bao phim Quy cách đóng gói: Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim
17	Fabamox 500	Amoxicilin	500 mg	Viên nang	Hộp 5 vỉ x 12 viên	VD-6330-08 (được gia hạn, có hiệu lực đến ngày 02/6/2017)	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco	160 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Tp. Hà Nội	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	Số đăng ký: VD-25792-16; Quy cách đóng gói: Hộp 5 vỉ x 12 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên

18	Menison 4mg	Methyl prednisolon	4 mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-11870-10	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/07/2014	Số đăng ký: VD-23842-15 Quy cách đóng gói: Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên
19	pms-Opxil 500 mg	Cephalexin (dưới dạng Cephalexin monohydrat) 500mg	500 mg	Viên nang cứng (xanh - xanh)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-18300-13	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Số 22, Đường số 02, KCN Việt Nam - Singapore II, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Đợt 13: Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 29/2/2016	Tên thuốc: CEPHALEXIN 500mg
20	Diafase 500	Metformin HCl 500mg		Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-17320-12	Công ty cổ phần Dược phẩm Ampharco U.S.A	KCN Nhơn Trạch 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	Tên thuốc: Diafase Sanofi 500mg
21	Diafase 850	Metformin HCl 850mg		Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-17321-12	Công ty cổ phần Dược phẩm Ampharco U.S.A	KCN Nhơn Trạch 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	Tên thuốc: Diafase Sanofi 850mg
22	Zymycin 500	Azithromycin 500mg	500 mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 1 vỉ, 10 vỉ x 3 viên	VD-17322-12	Công ty cổ phần Dược phẩm Ampharco U.S.A	KCN Nhơn Trạch 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng nai	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	Tên thuốc: Zymycin Sanofi
23	Zymycin	Azithromycin 250mg	250 mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 6 viên, hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-17886-12	Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A	KCN Nhơn Trạch 3, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013	Tên thuốc: Zymycin Sanofi
24	Tenocar 50mg	Atenolol	50 mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-8977-09	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đợt 8: Quyết định số 828/QĐ-BYT ngày 11/03/2014	Số đăng ký: VD-23232-15; Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 15 viên nén

25	Menison 16mg	Methylprednisolone	16 mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-12526-10	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013	Số đăng ký: VD-25894-16
26	Melic 7,5 mg	Meloxicam	7,5 mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên; Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-11651-10	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Số 27 đường 3A, KCN Biên Hòa II, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Đợt 5: Quyết định số 1739/QĐ-BYT ngày 20/05/2013	Số đăng ký: VD-25751-16;
27	Diaprid 4mg	Glimepirid	4 mg		Hộp 2 vỉ x 15 viên	VD-12517-10	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013	Số đăng ký: VD-25889-16; Dạng bào chế: Viên nén
28	Pycip 500mg	Ciprofloxacin	500 mg	Viên nén bao phim	hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	VD-7336-09	Công ty Cổ phần Pymepharco	166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Đợt 3: Quyết định số 344/QĐ-BYT ngày 29/01/2013	Số đăng ký: VD-25394-16

Công văn số 2443/BYT-QLD ngày 10/5/2017

1	Klimentin 500	Amoxicillin trihydrat tương đương 500 mg Amoxicillin; Clavulanate Potassium & silicone dioxide tương đương 62,5 mg acid clavulanic	500 mg/ 62,5 mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 24 gói x 2 gam	VD-8436-09 SĐK cập nhật: VD-22423-15	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	288 Bis, Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/07/2014; Cập nhật SĐK theo công văn số 6101/BYT-QLD ngày 19/8/2015; Công văn số 355/BYT-QLD ngày 23/01/2017.	- Số đăng ký: VD-24617-16;
2	Glucobest 500	Metformin HCl 500 mg		Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 15 viên	VD-16435-12	Công ty TNHH Dược phẩm & Sinh học Y tế	Lô III - 18 đường số 13, KCN Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	- Tên công ty: Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế - Mebiphar JSC
3	Glucobest 850	Metformin HCl 850 mg		Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 15 viên	VD-16436-12	Công ty TNHH Dược phẩm & Sinh học Y tế	Lô III - 18 đường số 13, KCN Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	- Tên công ty: Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế - Mebiphar JSC

4	Diaprid 4mg	Glimepirid	4 mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VD-12517-10	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013; Công văn số 355/BYT-QLD ngày 23/01/2017	- Tên thuốc: Diaprid 4
5	Menison 16mg	Methylprednisolone	16 mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-12526-10	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013; Công văn số 355/BYT-QLD ngày 23/01/2017	- Quy cách đóng gói: Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên;
6	Tenocar 50mg	Atenolol	50 mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-8977-09	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Đợt 8: Quyết định số 828/QĐ-BYT ngày 11/03/2014; Công văn số 355/BYT-QLD ngày 23/01/2017	- Tên thuốc: Tenocar 50
7	Hapacol 80	Paracetamol 80mg	80 mg	Thuốc bột sủi bọt	Hộp 24 gói x 1,5g thuốc bột;	VD-20561-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017	- Quy cách đóng gói: Hộp 24 gói x 1,5g thuốc bột sủi bọt; Hộp 50 gói x 1,5g thuốc bột sủi bọt;
8	Valsartan STADA 80 mg	Valsartan	80 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-14016-11	Công ty liên doanh TNHH Stada Việt Nam	Số 40, Đại lộ Tự do, KCN Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương.	Đợt 10: Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	- Số đăng ký: VD-26571-17; - Tên cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam
9	pms - Pharmox 250 mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat)	Amoxicillin 250 mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 1g	VD-18302-13	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Số 4, đường 30/4, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	- Tên thuốc: Amoxicillin 250 mg

10	pms-Claminat 250mg/31,25 mg	Amoxicilin 250 mg; Acid clavulanic 31,25 mg	250 mg 31,25 mg	Thuốc bột pha hỗn dịch	Hộp 12 gói thuốc bột pha hỗn dịch	VD-5141-08	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Số 4, đường 30/4, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đợt 2: Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013; Công văn số 4377/BYT-QLD ngày 07/7/2014	- Tên thuốc: Claminat 250 mg/31,25 mg; - Quy cách đóng gói: Hộp 1 túi nhôm x 12 gói x 1g
11	Levoquin 500	Levofloxacin	500 mg		Hộp 2 vỉ x 4 viên	VD-12524-10	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013	- Hoạt chất: Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) - Dạng bào chế: viên nén bao phim. - Số đăng ký: VD-26415-17
12	Mypara	Paracetamol	500 mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp 10 viên, hộp 2 tuýp 10 viên, hộp 4 vỉ x 4 viên	VD-23873-15	Công ty cổ phần SPM	Lô 51, Đường số 2, KCN Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. HCM.	Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017	- Quy cách đóng gói: Hộp 1 tuýp 10 viên, hộp 2 tuýp 10 viên, hộp 4 vỉ x 4 viên; hộp 10 vỉ x 4 viên; hộp 15 vỉ x 4 viên; hộp 20 vỉ x 4 viên
13	Cefuroxim 500 mg	Cefuroxim	500 mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-17529-12	Công ty cổ phần Dược phẩm Tipharco	15 Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	- Quy cách đóng gói: Hộp 02 vỉ x 5 viên Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 02 vỉ x 10 viên
14	Pyme Am5 Caps	Amlodipin besylat (dưới dạng Amlodipin besylat)	Amlodipin 5 mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-13587-10	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Đợt 6: Quyết định số 2993/QĐ-BYT ngày 19/08/2013	- Số đăng ký: VD-26428-17
15	Olanxol	Olanzapine	10 mg	Viên nén bao phim	hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	VD-12735-10	Công ty Cổ phần Dược Danapha	253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	Đợt 3: Quyết định số 344/QĐ-BYT ngày 29/01/2013	- Số đăng ký: VD-26068-17
16	Levoquin 250	Levofloxacin 250mg	250 mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 3 vỉ x 4 viên	VD-12523-10	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đợt 8 Quyết định số 828/QĐ-BYT ngày 11/03/2014	- Số đăng ký: VD-25389-16
17	Pyzacar 50	Losartan Kali	50 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VD- 13596-10	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Đợt 6: Quyết định số 2993/QĐ-BYT ngày 19/08/2013	- Số đăng ký: VD-26431-17

18	Telfadin	Fexofenadin HCl	60 mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên nén bao phim	VD-9973-10	Công ty cổ phần Dược Danapha	253 Dũng Sỹ Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	Đợt 3: Quyết định số 344/QĐ-BYT ngày 29/01/2013;	- Tên thuốc: Danapha-Telfadin; - Số đăng ký: VD-24082-16;
19	Perglim M-1	Glimepiride 1mg; Metformine Hydrochloride 500mg	500 mg	Viên nén (phóng thích chậm)	Hộp lớn chứa 5 hộp nhỏ x 1 vỉ x 20 viên	VN-10407-10	Themis Laboratories Pvt., Ltd	F1-F1/1 Additional Ambernath MIDC Ambernath (East) 421-506 Dist Thane	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	- Tên nhà sản xuất: Inventia Healthcare Pvt. Ltd.
20	Perglim M-2	Glimepiride 2mg; Metformine Hydrochloride 500mg	500 mg	Viên nén (phóng thích chậm)	Hộp lớn chứa 5 hộp nhỏ x 1 vỉ x 20 viên	VN-10408-10	Themis Laboratories Pvt., Ltd	F1-F1/1 Additional Ambernath MIDC Ambernath (East) 421-506 Dist Thane	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	- Tên nhà sản xuất: Inventia Healthcare Pvt. Ltd.

Công văn số 4231/BYT-QLD ngày 27/7/2017

1	Bactirid 100mg/5ml dry suspension	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat) 100mg/5ml	100 mg/5ml	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 1 lọ bột để pha 30ml hỗn dịch uống	VN-20148-16	Medicraft Pharmaceutica ls (Pvt) Ltd.	126-B Industrial Estate Hayatabad Peshawar- Pakistan	Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017	Quy cách đóng gói: - Hộp 1 lọ bột pha 30ml hỗn dịch uống; - Hộp 1 lọ bột pha 40 ml hỗn dịch uống; - Hộp 1 lọ bột pha 60 ml hỗn dịch uống;
2	Levoquin 250	Levofloxacin 250mg	250 mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 3 vỉ x 4 viên	VD-25389-16	Công ty cổ phần Pymepharco	Số 166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đợt 8: Quyết định số 828/QĐ-BYT ngày 11/03/2014; Công văn số 2443/BYT-QLD ngày 10/5/2017.	Dạng bào chế: Viên nén bao phim.
3	Pyzacar 50	Losartan kali	Losartan kali 50 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VD-26431-17	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170, Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Đợt 6: Quyết định số 2993/QĐ-BYT ngày 19/8/2013; Công văn số 2443/BYT-QLD ngày 10/5/2017.	Tên thuốc: Pyzacar 50 mg.

4	Panfor SR-500	Metformin hydrochlorid 500 mg	Metformin hydrochlorid 500 mg	Viên nén phóng thích chậm	Hộp 5 vỉ x 20 viên	VN-20018-16	Inventia Healthcare Pvt. Ltd	F1-F1/1, Additional Ambernath M.I.D.C., Ambernath (East), Thane 421 506 Maharashtra State - India	Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017	Hàm lượng: 500 mg
5	Panfor SR-750	Metformin hydrochlorid	750 mg	Viên nén phóng thích chậm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20188-16	Inventia Healthcare Pvt. Ltd.	F1-F1/1, Additional Ambernath M.I.D.C., Ambernath (East), Thane 421 506, India	Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017	Địa chỉ: F1-F1/1, Additional Ambernath M.I.D.C., Ambernath (East), Thane 421 506 Maharashtra State - India
6	Panfor SR-1000	Metformin hydrochlorid	1000 mg	Viên nén phóng thích chậm	Hộp 5 vỉ x 20 viên	VN-20187-16	Inventia Healthcare Pvt. Ltd.	F1-F1/1, Additional Ambernath M.I.D.C., Ambernath (East), Thane 421 506, India	Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017	- Hoạt chất: Metformin hydrochlorid; - Địa chỉ: F1-F1/1, Additional Ambernath M.I.D.C., Ambernath (East), Thane 421 506 Maharashtra State - India
7	Cefixime Uphace 50	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	50 mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 1g	VD-24336-16	Công ty cổ phần dược phẩm TW 25	448B, Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	Dạng bào chế: Cốm pha hỗn dịch uống.
8	Zinaxtab 500	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-23087-15	Công ty cổ phần dược phẩm TW 25	448B, Nguyễn Tất Thành, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh	Đợt 12: Quyết định số 5648/QĐ-BYT ngày 31/12/2015	Tên thuốc: Cezirnat 500 mg
9	Loratadin Stada 10mg	Loratadin 10 mg	10 mg		hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-9029-09 SĐK cập nhật: VD-23354-15	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	K63/1, Nguyễn Thị Sóc-Ấp Mỹ Hoà 2- Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Tp. HCM	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013 Đính chính theo Công văn số 1082/BYT-QLD ngày 02/3/2016	Tên cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam. Địa chỉ: Số 40, Đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Công văn số 17248/QLD-CL ngày 24/10/2017 của Cục Quản lý Dược

1	NifeHexal 30 LA	Nifedipin	30 mg	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19669-16	Hexal AG	Industriestrasse 25, 083607 Holzkirchen, Germany	Đợt 17: Quyết định số 3412/QĐ-BYT ngày 27/7/2017	Cơ sở sản xuất: Lek Pharmaceuticals d.d Địa chỉ cơ sở sản xuất: Verovskova 57, 1526 Ljubljana - Slovenia
2	Contiflo OD 0.4mg	Tamsulosin HCl 0,4mg		Viên nang tác dụng kéo dài	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-15600-12	Ranbaxy Laboratories Ltd.	Industrial Area 3, Dewas 455001, M.P	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	Cơ sở sản xuất: Sun Pharmaceutical Industries Limited. Địa chỉ cơ sở sản xuất: Industrial Area No. 3, A.B. Road, Dewas 455001 (MP), India
3	Kaldyum	Kali chloride 600mg		Viên nang giải phóng chậm	Hộp 1 lọ 50 viên; hộp 1 lọ 100 viên	VN-15428-12	Egis Pharmaceutics Public Ltd., Co.	1106, Budapest, Keresztóri út, 30-38	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	Cơ sở sản xuất: Egis Pharmaceuticals Private Limited company. Địa chỉ cơ sở sản xuất: 9900 Körmend, Mátyás király út 65., Hungary
4	Fluconazol stada 150mg	Fluconazol	150mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 1 viên; Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-2968-07 SĐK cập nhật:VD-18110-12	Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam	40 Đại lộ tự do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương	Đợt 5: Quyết định số 1739/QĐ-BYT ngày 20/05/2013 Cập nhật SĐK theo Công văn số 560/BYT-QLD ngày 23/1/2015.	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
5	Lamivudin Stada 100mg	Lamivudin	100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 30 viên, 100 viên	VD-5633-08; SĐK cập nhật: VD-21099-14	Công ty liên doanh TNHH Stada Việt Nam	40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương.	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/07/2014 Cập nhật SĐK theo Công văn số 560/BYT-QLD ngày 23/1/2015.	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam

6	Atenolol Stada 50mg	Atenolol	50mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-12619-10 SĐK cập nhật: VD-23963-15	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam.	40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương.	Đợt 10: Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015 Cập nhật SĐK theo Công văn số 560/BYT-QLD ngày 23/1/2015.	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
7	Bisoprolol STADA 5mg	Bisoprolol	5mg	Viên nén bao phim	hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-9047-09 SĐK cập nhật: VD-23337-15	Công ty TNHH LD Stada Việt Nam	40 Đại Lộ Tự Do,KCN Việt Nam-Singapore, Thuận An-Bình Dương	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013 Đính chính theo Công văn số 1081/BYT-QLD ngày 12/3/2014 Cập nhật SĐK theo Công văn số 1082/BYT-QLD ngày 02/3/2016	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
8	Lipistad 20	Atorvastatin calci	20mg		hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-8265-09 SĐK cập nhật: VD-23341-15	CT TNHH Stada-VN	40 Đại Lộ Tự Do,KCN Việt Nam-Singapore, Thuận An-Bình Dương	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013 Cập nhật SĐK theo Công văn số 1082/BYT-QLD ngày 02/3/2016	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
9	Tenofovir Stada 300mg	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 1 chai 30 viên	VD-12111-10 SĐK cập nhật: VD-23982-15	Công ty liên doanh TNHH Stada Việt Nam	40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương.	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/07/2014 Cập nhật SĐK theo Công văn số 1082/BYT-QLD ngày 02/3/2016	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam

10	Adefovir STADA 10mg	Adefovir dipivoxil	10mg	Viên nén	hộp 3 vỉ x 10 viên, 30 viên.Vchai	VD-12596-10 SĐK cập nhật: VD-25027-16	CT TNHH Stada-VN	40 Đại Lộ Tự Do,KCN Việt Nam-Singapore, Thuận An-Bình Dương	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013 Cập nhật theo Công văn số 355/BYT-QLD ngày 23/01/2017: Số đăng ký: VD-25027-16 Dạng bào chế: viên nén	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
11	Amlodipin Stada 5mg	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat)	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 5mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai x 30 viên.	VD-19692-13	Công ty TNHH LD Stada Việt Nam	Số 40 Đại lộ Tự do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương	Đợt 7: Quyết định số 4167/QĐ-BYT ngày 18/10/2013	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
12	Azicine	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 250mg	250mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 6 viên, hộp 10 vỉ x 6 viên, hộp 1 chai 100 viên	VD-20541-14	Công ty TNHH LD Stada - Việt nam	Số 40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/07/2014	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
13	Irbesartan Stada 300mg	Irbesartan	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VD-18533-13	Công ty liên doanh TNHH Stada Việt Nam.	40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương.	Đợt 10: Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
14	Losartan Stada 50mg	Losartan kali	50 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-20373-13	Công ty liên doanh TNHH Stada Việt Nam.	40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương.	Đợt 10: Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
15	Rosuvastatin Stada 10mg	Rosuvastatin 10 mg (dưới dạng Rosuvastatin calcium)	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-19690-13	Công ty liên doanh TNHH Stada Việt Nam.	40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương.	Đợt 10: Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam

16	Esomeprazol Stada 40 mg	Esomeprazol (dưới dạng vi hạt Esomeprazol magnesi dihydrat) 40 mg	40mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-22670-15	Công ty TNHH LD Stada -Việt Nam	Số 40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An - Bình Dương	Đợt 13: Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 29/02/2016	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
17	Metformin Stada 500 mg	Metformin HCl 500 mg	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-23976-15	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Số 40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam	Đợt 13: Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 29/02/2016	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
18	Venlafaxine Stada 75 mg	Venlafaxin (dưới dạng venlafaxin HCl) 75 mg	75mg	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VD-23984-15	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Số 40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam	Đợt 13: Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 29/02/2016	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
19	Cetirizine Stada 10 mg	Cetirizin dihydrochlorid	10 mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên; hộp 5 vỉ x 10 viên; hộp 1 chai 500 viên	VD-18108-12	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Số 40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
20	Clopistad	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulphat)	75 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-23964-15	Công ty TNHH LD Stada Việt Nam	Số 40 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
21	Nifedipin T20 Stada retard	Nifedipin	20 mg	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-24568-16	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Số 40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Tỉnh Bình Dương.	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam
22	Carbamazepin 200 mg	Carbamazepin	200 mg	Viên nén	Hộp 1 lọ x 100 viên	VD-23439-15	Công ty cổ phần dược Danapha	253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	Quy cách đóng gói: Hộp 1 lọ x 100 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên

23	Agirovastin 20	Rosuvastatin calcium tương đương 20 mg Rosuvastatin	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-13317-10	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Khóm Thanh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, An Giang	Đợt 13: Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 29/02/2016	Số đăng ký: VD-25122-16; Địa chỉ cơ sở sản xuất: Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thanh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, An Giang
24	Naphalevo	Levonorgestrel 30mcg	30mcg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ 28 viên	VD-12150-10	Công ty Cổ phần dược phẩm Nam Hà	415 Hàn Thuyên, TP Nam Định	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	Số đăng ký: VD-26196-17
25	Noruxime 250	Cefuroxim 250mg dưới dạng Cefuroxim Axetil	250mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VD-18697-13	Công ty cổ phần dược phẩm Amvi	Lô B14-3, lô B14-4, đường N13, KCN Đông Nam, Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh	Đợt 5: Quyết định số 1739/QĐ-BYT ngày 20/05/2013	Tên thuốc: Amvifuxime 250.
26	Naphaceptiv	Levonorgestrel + Ethinylestradiol 125/ 30mcg; Sắt II fumarat 75mg (Viên nội tiết 2 thành phần (Levonorgestrel và Ethinylestradiol) đã được thử BE; Viên sắt (Sắt II fumarat) được miễn thử BE)		Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ 28 viên	VD-3717-07	Công ty Cổ phần dược phẩm Nam Hà	415 Hàn Thuyên, TP Nam Định	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012	Số đăng ký: VD-17475-12

Công văn số 1085/BYT-QLD ngày 27/02/2018 của Bộ Y tế

1	Pyfacloer 250mg	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat)	250 mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-22614-15	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đợt 18: Quyết định số 4764/QĐ-BYT ngày 24/10/2017	Dạng bào chế: Viên nang cứng (xanh-xám)
---	------------------------	--	--------	----------------	--------------------	-------------	----------------------------	---	---	--

2	Erilcar 10	Enalapril maleat	10 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-27305-17	Công ty cổ phần Pymepharco	166-170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Đợt 18: Quyết định số 4764/QĐ-BYT ngày 24/10/2017	Dạng bào chế: Viên nén
3	Amoxicilin 250 mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat)	250 mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói	VD-21362-14	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	160 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội	Đợt 16: Quyết định số 1832/QĐ-BYT ngày 10/5/2017	Tên thuốc: Fabamox 250mg
4	Amoxicilin 1G	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat)	1000 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-23035-15	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 1 - Pharbaco	160 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội	Đợt 17: Quyết định số 3412/QĐ-BYT ngày 27/7/2017	Tên thuốc: Fabamox 1g
5	Lipistad 20	Atorvastatin calci	20mg		hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-23341-15	Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam	40 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, Thuận An-Bình Dương	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013 Cập nhật SĐK theo Công văn số 1082/BYT-QLD ngày 02/3/2016. Cập nhật tên cơ sở sản xuất theo Công văn số 17248/QLD-CL ngày 24/10/2017 của Cục QLD	Dạng bào chế: viên nén bao phim

6	Adefovir STADA 10mg	Adefovir dipivoxil	10mg	Viên nén	hộp 3 vỉ x 10 viên, 30 viên/chai	VD-12596-10 SĐK cập nhật: VD-25027-16	Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam	40 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam- Singapore, Thuận An-Bình Dương	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013 Cập nhật theo Công văn số 355/BYT-QLD ngày 23/01/2017: Số đăng ký: VD-25027-16 Dạng bào chế: viên nén. Cập nhật tên cơ sở sản xuất theo Công văn số 17248/QLD-CL ngày 24/10/2017 của Cục QLD	Quy cách đóng gói: Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên
7	Esomeprazol Stada 40 mg	Esomeprazol (dưới dạng vi hạt Esomeprazol magnesi dihydrat)	40mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-22670-15	Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam	Số 40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An - Bình Dương	Đợt 13: Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 29/02/2016 Cập nhật tên cơ sở sản xuất theo Công văn số 17248/QLD-CL ngày 24/10/2017 của Cục QLD	Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 4 vỉ x 7 viên
8	Azithromycin 250	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 250mg	250 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-26005-16	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017	Quy cách đóng gói: Hộp 1 vỉ x 6 viên; Hộp 10 vỉ x 6 viên

9	Aziphar 200	Mỗi gói 5g chứa: Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 200mg	5mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 5g	VD-23799-15	Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar	297/5 Lý Thường Kiệt, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam	Đợt 13: Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 29/02/2016	Tên thuốc: Aziphar Hoạt chất: Mỗi 5g chứa: Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 200 mg Hàm lượng: 200mg Quy cách đóng gói: Hộp 12 gói x 5g; Hộp 1 chai x 15g; Hộp 1 chai x 22,5g
10	Meloflam	Meloxicam	15 mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-12440-11	Egis Pharmaceutica ls Public Ltd., Co.	1165 Budapest, Bokényfoldi út. 118- 120., Hungary	Đợt 18: Quyết định số 4764/QĐ-BYT ngày 24/10/2017	Cập nhật Số đăng ký: VN- 20756-17 Tên cơ sở sản xuất: Egis Pharmaceuticals Private Limited company. Địa chỉ cơ sở sản xuất: 9900 Kormend, Mátyás király út, 65 Hungary Địa chỉ xuất xưởng: 1165 Budapest, Bokényfoldi út. 118-120., Hungary
11	Speenac CR	Aceclofenac	200mg	Viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-15948-12	Korea United Pharm. Inc.	404-10, Nojang-Ri, Jeondong-Myeon, Yeongi-kun, Chungnam	Đợt 2 Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013	Tên thuốc: Clanzacr Địa chỉ cơ sở sản xuất: 25- 23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-Myeon, Sejong- si, Korea
12	Felodil ER	Felodipin	5mg	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-15946-12	Korea United Pharm. Inc.,	404-10, Nojang-Ri, Jeondong-Myeon, Yeongi-kun, Chungnam	Đợt 2 Quyết định số 115/QĐ-BYT ngày 11/01/2013	Địa chỉ cơ sở sản xuất: 25- 23, Nojanggongdan-gil, Jeondong-Myeon, Sejong- si, Korea
13	Tacerax 250	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	250 mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói, 14 gói, 20 gói x 3g	VD-23430-15	Công ty TNHH US pharma USA	Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, Tp. HCM, Việt Nam	Đợt 12: Quyết định số 5648/QĐ-BYT ngày 31/12/2015	Tên thuốc: Mulpax S-250

Công văn số 4928/BYT-QLD ngày 23/8/2018

1	Mebilax 7,5	Meloxicam	7,5 mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-20574-14	Công ty TNHH MTV dược phẩm DHG	Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Đợt 10: Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015; Cập nhật theo Công văn số 6101/BYT-QLD ngày 19/8/2015	- Số đăng ký: VD-20575-14 - Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
2	Hapacol 150	Paracetamol	150 mg	Thuốc bột sủi bọt	Hộp 24 gói x 1,5g	VD-21137-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Đợt 10: Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
3	Hapacol 250	Paracetamol	250 mg	Thuốc bột sủi bọt	Hộp 24 gói x 1,5g	VD-20558-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Đợt 10: Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
4	Hapacol sủi	Paracetamol	500 mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên	VD-20571-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Đợt 10: Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.

5	Ayte	Rebamipid	100 mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-20520-14	Công ty TNHH dược phẩm Đạt Vi Phú	Lô M7A-CN, Đường D17, KCN Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương	Đợt 18: Quyết định số 4764/QĐ-BYT ngày 24/10/2017	- Tên công ty: Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú
6	Artreil	Diacerhein	50 mg	Viên nang	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-13644-10	Công ty TNHH dược phẩm Đạt Vi Phú	Lô M7A-CN, Đường D17, KCN Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương	Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/7/2014	* Số đăng ký: VD-28445-17. * Hoạt chất: Diacerein. * Dạng bào chế: viên nang cứng; * Quy cách đóng gói: Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 6 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên. * Tên công ty: Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú. * Địa chỉ: Lô M7A, Đường D17, KCN Mỹ Phước 1, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
7	Glumeform 500	Metformin hydroclorid 500 mg	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-21779-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 10: Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.

8	Bisoprolol STADA 5mg	Bisoprolol	5 mg	Viên nén bao phim	hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-9047-09 SĐK cập nhật: VD-23337-15	Công ty TNHH LD Stada Việt Nam	40 Đại Lộ Tự Do,KCN Việt Nam- Singapore, Thuận An- Bình Dương	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013 Đính chính theo Công văn số 1081/BYT-QLD ngày 12/3/2014; Cập nhật SĐK theo Công văn số 1082/BYT-QLD ngày 02/3/2016; Cập nhật theo công văn số 17248/QLD-CL ngày 24/10/2017 của Cục QLD: Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam.	Hoạt chất: Bisoprolol fumarat
9	Lipistad 20	Atorvastatin calci	20 mg	Viên nén bao phim	hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-8265-09 SĐK cập nhật: VD-23341-15	CT TNHH Stada-VN	40 Đại Lộ Tự Do,KCN Việt Nam- Singapore, Thuận An- Bình Dương	Đợt 4: Quyết định số 896/QĐ-BYT ngày 21/03/2013 Cập nhật SĐK theo Công văn số 1082/BYT-QLD ngày 02/3/2016. Cập nhật theo công văn số 17248/QLD-CL ngày 24/10/2017 của Cục QLD: Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada - Việt Nam. * Cập nhật theo văn bản số 1085/BYT-QLD ngày 27/02/2018 của Bộ Y tế: Dạng bào chế: viên nén bao phim.	Hoạt chất: Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci)

10	Midancef 125	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	125 mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên	VD-21322-14	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân.	Lô E2, đường N4, KCN Hòa Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định.	Đợt 10: Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	Quy cách đóng gói: Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên
11	Cefuroxime 500mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên	VD-22940-15	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Lô E2, đường N4, KCN Hoà Xá, TP Nam Định	Đợt 12 - Quyết định số 5648/QĐ-BYT ngày 31/12/2015	Quy cách đóng gói: Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên
12	Cefuroxime 250mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	250 mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên	VD-22939-15	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Lô E2, đường N4, KCN Hoà Xá, TP Nam Định	Đợt 12 - Quyết định số 5648/QĐ-BYT ngày 31/12/2015	Quy cách đóng gói: Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên
13	Midancef 250	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	250 mg	Viên nén dài bao phim	Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên	VD-20226-13	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Lô E2, đường N4, KCN Hòa Xá, Tp. Nam Định.	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	Quy cách đóng gói: Hộp 1 túi x 1 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên
14	MEBILAX 15	Meloxicam	15 mg	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên	VD-20574-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG.	Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.	Đợt 10 Quyết định số 241/QĐ-BYT ngày 23/01/2015	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
15	Apitum 5	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat 6,9 mg)	5 mg	Viên nang cứng (vàng-trắng)	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-24010-15	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.

16	GliritDHG 500mg/5mg	Metformin HCl Glibenclamid	Metformin HCl 500 mg; Glibenclamid 5 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24599-16	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
17	GliritDHG 500mg/2,5mg	Metformin HCl Glibenclamid	Metformin HCl 500 mg; Glibenclamid 2,5 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-24598-16	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
18	Glumerif 4	Glimepirid	4 mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-22032-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
19	Glumerif 2	Glimepiride	2 mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-21780-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.

20	Haginat 500	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-24608-16	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
21	Haginat 125	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Gói 3,5g chứa Cefuroxim 125 mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 24 gói x 3,5g	VD-24607-16	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 14: Quyết định số 4404/QĐ-BYT ngày 16/8/2016	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
22	Azithromycin 250	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 250mg	250 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-26005-16	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Công bố Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017 Cập nhật theo văn bản số 1085/BYT-QLD ngày 27/02/2018 của Bộ Y tế: Quy cách đóng gói: Hộp 1 vỉ x 6 viên; Hộp 10 vỉ x 6 viên	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.

23	Azithromycin 500	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 500mg	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-26006-16	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
24	Hapacol 80	Paracetamol 80mg	80 mg	Thuốc bột sủi bọt	Hộp 24 gói x 1,5g thuốc bột;	VD-20561-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Công bố Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017 Cập nhật theo Công văn số 2443/BYT-QLD ngày 10/5/2017: - Quy cách đóng gói: Hộp 24 gói x 1,5g thuốc bột sủi bọt; Hộp 50 gói x 1,5g thuốc bột sủi bọt;	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
25	Haginat 250	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	250 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-26007-16	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.

26	Klamentin 250	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250 mg; Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat & silicon dioxyd) 31,25 mg	250mg, 31,25mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 24 gói x 1g	VD-22767-15	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	288 Bis, Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Công bố Đợt 13: Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 29/02/2016 Cập nhật theo Công văn số 355/BYT-QLD ngày 23/01/2017: - Tên thuốc: Klamentin 250/31.25; - Số đăng ký: VD-24615-16; - Dạng bào chế: Thuốc cốm pha hỗn dịch uống; - Công ty: Công ty TNHH MTV dược phẩm DHG; - Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
----	----------------------	--	----------------	-----------------------------	-----------------	-------------	--------------------------------	--	--	--

27	Klamentin 625	Amoxicillin trihydrat tương đương 500mg Amoxicilin; Clavulanate Potassium & Avicel tương đương 125mg Acid clavulanic	Amoxicillin 500 mg; Acid clavulanic 125 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 4 viên	VD-7877-09; SĐK cập nhật: VD-22768-15	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Số 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Tp. Cần Thơ	Công bố Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015 Cập nhật SĐK theo Công văn số 1082/BYT-QLD ngày 02/3/2016; Cập nhật theo Công văn số 355/BYT-QLD ngày 23/01/2017: - Tên thuốc: Klamentin 500/125; - Số đăng ký: VD-24616-16; - Công ty: Công ty TNHH MTV dược phẩm DHG; - Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
----	----------------------	--	--	-------------------	-------------------	---------------------------------------	--------------------------------	---------------------------------------	---	--

28	Klamentin 500	Amoxicillin trihydrat tương đương 500mg Amoxicillin; Clavulanate Potassium & silicone dioxide tương đương 62,5mg acid clavulanic	500mg/62,5mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 24 gói x 2 gam	VD-8436-09 SĐK cập nhật: VD-22423-15	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	288 Bis, Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Công bố Đợt 9: Quyết định số 2498/QĐ-BYT ngày 07/07/2014 Cập nhật SĐK theo Công văn số 6101/BYT-QLD ngày 19/8/2015; Cập nhật theo Công văn số 355/BYT-QLD ngày 23/01/2017: - Tên thuốc: Klamentin 500/62.5; - Số đăng ký: VN-24617-16; - Dạng bào chế: Thuốc cốm pha hỗn dịch uống; - Công ty: Công ty TNHH MTV dược phẩm DHG; - Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang. Cập nhật theo Công văn số 2443/BYT-QLD ngày 10/5/2017: - Số đăng ký: VD-24617-16;	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
----	----------------------	--	--------------	-----------------------------	--------------------	---	--------------------------------	--	--	---

29	Klamentin 1g	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali Clavulanat & Avicel) 125mg	Amoxicillin 875 mg; Acid clavulanic 125 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VD-22422-15	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Số 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Công bố Đợt 11: Quyết định số 3477/QĐ-BYT ngày 19/8/2015, 'Cập nhật theo Công văn số 355/BYT-QLD ngày 23/01/2017: - Tên thuốc: Klamentin 875/125; - Số đăng ký: VD-24618-16; - Công ty: Công ty TNHH MTV dược phẩm DHG; - Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
30	Glumeron 30 MR	Gliclazid	30 mg	Viên nén giải phóng có kiểm soát	Hộp 5 vỉ x 20 viên	VD-25040-16	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	KCN Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
31	Azithromycin 200	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	Mỗi gói 1,5g chứa: Azithromycin 200 mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 24 gói x 1,5g	VD-26004-16	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.

32	Hafixim 100 Kids	Mỗi gói 1,5g chứa: Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	100 mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 24 gói x 1,5g	VD-26594-17	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 16: Quyết định số 1832/QĐ-BYT ngày 10/5/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
33	Hafixim 50 Kids	Mỗi gói 0,75g chứa: Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	50 mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 24 gói x 0,75g	VD-26595-17	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 16: Quyết định số 1832/QĐ-BYT ngày 10/5/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
34	Celosti 200	Celecoxib	200 mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-25557-16	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.	Đợt 17: Quyết định số 3412/QĐ-BYT ngày 27/7/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
35	LEVODHG 500	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 512,46mg) 500 mg	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, 6 vỉ x 10 viên	VD-21558-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.	Đợt 17: Quyết định số 3412/QĐ-BYT ngày 27/7/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.

36	Vastec 35 MR	Trimetazidin dihydroclorid	35 mg	Viên nén bao phim giải phóng biến đổi	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VD-27571-17	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 17: Quyết định số 3412/QĐ-BYT ngày 27/7/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
37	Glumeform 850	Metformin hydroclorid	850 mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 5 viên	VD-27564-17	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 17: Quyết định số 3412/QĐ-BYT ngày 27/7/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
38	Clabact 250	Clarithromycin	250 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-27560-17	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 17: Quyết định số 3412/QĐ-BYT ngày 27/7/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
39	Azithromycin 100	Mỗi gói 0,75 g chứa: Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 100 mg	100 mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 24 gói x 0,75g	VD-27557-17	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 17: Quyết định số 3412/QĐ-BYT ngày 27/7/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.

40	LEVODHG 250	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 256,23 mg) 250 mg	250 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, 6 vỉ x 10 viên	VD-21557-14	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.	Đợt 17: Quyết định số 3412/QĐ-BYT ngày 27/7/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
41	Clabact 500	Clarithromycin	500 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-27561-17	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Lô B2-B3, KCN Tân Phú Thạnh- giai đoạn 1, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Đợt 17: Quyết định số 3412/QĐ-BYT ngày 27/7/2017	- Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang; - Địa chỉ: Lô B2-B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang.
42	Zidimet 10 mg	Nifedipin	10 mg	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên.	VD-26012-16	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Số 25, đường số 8, khu CN Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương	Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017	Tên thuốc: Kanemis
43	Dutifuxim	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	250 mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-26031-16	Công ty TNHH US Pharma USA	Lô B1-10, Đường D2, KCN Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Đợt 15: Quyết định số 235/QĐ-BYT ngày 23/01/2017	Tên thuốc: Cefuking
44	Floezy	Tamsulosin HCl	0,4 g	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20567-17	Synthon Hispania, SL	Castello 1, Polígono Las Salinas, 08830 Sant Boi de Llobregat (Barcelona)- Tây Ban Nha	Đợt 17: Quyết định số 3412/QĐ-BYT ngày 27/7/2017	Hàm lượng: 0,4mg
45	Felodipin Stada 5 mg retard	Felodipin	5 mg	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-26562-17	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Số 40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương	Đợt 16: Quyết định số 1832/QĐ-BYT ngày 10/5/2017	Quy cách đóng gói: Hộp 10 vỉ x 10 viên

46	Naphaceptiv	Levonorgestrel + Ethinylestradiol 125/ 30mcg; Sắt II fumarat 75mg (Viên nội tiết 2 thành phần (Levonorgestrel và Ethinylestradiol) đã được thử BE; Viên sắt (Sắt II fumarat) được miễn thử BE		Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ 28 viên	VD-3717-07	Công ty Cổ phần dược phẩm Nam Hà	415 Hàn Thuyên, TP Nam Định	Đợt 1: Quyết định số 3977/QĐ-BYT ngày 18/10/2012 Cập nhật theo công văn số 17248/QLD-CL ngày 24/10/2017 của Cục QLD: Số đăng ký: VD-17475-12.	Số đăng ký: VD-30444-18
----	--------------------	---	--	-------------------	------------------	------------	----------------------------------	-----------------------------	---	-------------------------